TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/DS-PT
Ngày 25- 02- 2020
V/v "Tranh chấp về thừa kế tài sản và quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Yên

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Tú Oanh

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh: Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 445/2019/DS- PT ngày 13 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản và quyền sử dụng đất".

Do có kháng cáo của nguyên đơn đối với bản án dân sự sơ thẩm số 753/2019/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3405/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa:

*Nguyên đơn:*Ông **Đinh Văn N,** sinh năm 1940

Địa chỉ: 1162/12 đường Quang Trung, phường 8, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Võ Minh T,** sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp 3 xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trương Thị Hòa thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

Bị đơn: Ông **Đinh Văn H,** sinh năm 1958

Địa chỉ: 1164 đường Quang Trung, phường 8, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Nguyễn Trung Ng**,** sinh năm 1992. Địa chỉ: 503 Lạc Long Quân, phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Đinh Thị Đ,** sinh năm 1958
2. Ông **Nguyễn Văn L,** sinh năm 1955

Địa chỉ: 2/17 ấp Đinh, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Đ, ông L: ông **Đỗ H,** sinh năm 1968. Địa chỉ: 503 Lạc Long Quân, phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

2. **Ông Đinh Văn Ch (Denny Dinh), sinh năm 1943**

Địa chỉ: 2715 Moreno Valley, California, USA.

Người đại diện hợp pháp của ông Ch: Ông **Lê Nguyễn Trung Ng,** sinh năm 1992. Địa chỉ: 503 Lạc Long Quân, phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

3. Ông **Đinh Thành Nh,** sinh năm 1982;
4. **Bà Đinh Thị Ngọc H**, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: 1164 đường Quang Trung, phường 8, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông **Đinh Minh Ph,** sinh năm 1975

Địa chỉ: 1162/12 đường Quang Trung, phường 8, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Đinh Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 27/3/2017 và các bản khai, nguyên đơn ông Đinh Văn N và đại diện của nguyên đơn ông Võ Minh T trình bày:

Cha mẹ của ông Đinh Văn N là ông Đinh Văn H1 và bà Hà Thị G, lúc còn sống ông H1, bà G có quản lý sử dụng một phần đất diện tích 2.130m^2 tọa lạc tại phường 8, Quận Gò vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; đất đã được UBND Quận Gò Vấp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng mộng đất số 2007/GCN-RĐ ngày 07/10/1991 đứng tên bà Hà Thị G.

Ông Đinh Văn H1 chết năm 1977 (không có giấy chứng từ), bà Hà Thị G chết năm 1995, lúc chết không lập di chúc. Thời gian chung sống, ông bà có 04 người con chung gồm: Đinh Văn N1(chết năm 1959), Đinh Văn N, Đinh Văn Ch, Đinh Văn H. Ông Đinh Văn N1có 01 người con là bà Đinh Thị Đ.

Sau khi bà G chết, các anh em trong gia đình đã thống nhất phân chia nhà 49/1 (số mới 1164) Quang Trung, phường 8, Quận Gò vấp và đất cho các con và cháu nội (bà Đ) của bà G, không ai có ý kiến gì đối với phần nhà, đất đã phân chia. Riêng phần đất trống có diện tích 376,6m^2 thuộc thửa 760 tờ bản đồ số 124, phường 8, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh chưa chia, hiện ông H và con ông H quản lý sử dụng phần phía trước, còn phần phía sau ông N đang sử dụng,

ông N đề nghị chia nhưng ông H không đồng ý nên phát sinh tranh chấp.

Do đó, ông N xác định phần đất trống chưa chia nêu trên là di sản của bà Hà Thị G chết để lại. Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật, mỗi người được hưởng ¼ giá trị di sản. Ông N nhận toàn bộ diện tích đất trống và giao giá trị cho các thừa kế khác là ông H, ông Ch, bà Đ mỗi người số tiền trị giá ¼ quyền sử dụng đất theo kết quả định giá.

Bị đơn ông Đinh Văn H có đại diện ông Lê Nguyễn Trung Ng trình bày:

Thống nhất với lời khai của nguyên đơn về quan hệ huyết thống: cha mẹ các ông là ông Đinh Văn H1 chết năm 1977 (không có giấy chứng từ) và bà Hà Thị G chết năm 1995, lúc chết không lập di chúc. Thời gian chung sống, ông H1 - bà G có 04 người con chung gồm: Đinh Văn N1(chết năm 1959), Đinh Văn N, Đinh Văn Ch, Đinh Văn H, ông Đinh Văn N1có 01 người con là bà Đinh Thị Đ.

Sau khi bà Hà Thị G chết, ông H và ông N cùng quản lý nhiều phần diện tích đất trong khối tài sản của cha mẹ để lại, trong đó có phần đất trống diện tích 376,6 m^2 thuộc thửa 760 tờ bản đồ số 124, phường 8, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Do lúc bà G còn sống có phân chia đất cho các con nhưng không có mặt ông Đinh Văn Ch nên sau này ông H và ông N cùng thống nhất giao lại phần đất nêu trên cho ông Đinh Văn Ch sử dụng.

Ngày 13/9/2002, ông H và ông N làm giấy cho đất giao lại cho ông Ch, trong giấy ghi diện tích 334m^2 nhưng thực tế là 376,6m^2 do đo đạc bằng thước dây nên có sự chênh lệch. Sau khi nhận đất ông Ch có xây dựng tường bao xung quanh để giữ đất. Ngày 15/9/2002, ông Ch làm giấy tay chuyển nhượng lại cho cháu là bà Đinh Thị Đ toàn bộ diện tích phần đất đã nhận từ ông H và ông N. Ông N có biết việc chuyển nhượng này nhưng không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu của nguyên đơn ông không đồng ý, vì phần đất nguyên đơn tranh chấp đã được chia cho ông Ch không còn là di sản của bà Ha Thị G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Bà Đinh Thị Đ có đại diện ông Đỗ H trình bày:

Xác định phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc của ông Đinh Văn H1 (chết năm 1977) và bà Hà Thị G (chết năm 1995) đã được UBND quận Gò Vấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số: 2007GCN-RĐ ngày 07/10/1991 do bà G đứng tên.

Ông H1 - bà G có 04 người con chung gồm: Đinh Văn N1(chết năm 1959), Đinh Văn N, Đinh Văn Ch, Đinh Văn H. Ông Đinh Văn N1chết trước ông H1, bà G có 01 người con duy nhất là bà Đinh Thị Đ.

Vào năm 1993, bà G cùng ông N, ông H và người cháu là bà Đ họp gia đình phân chia phần đất còn lại cho các con. Việc phân chia không lập văn bản. Sau khi phân chia, mỗi người đều đã nhận phần đất của mình và sử dụng ổn định không ai tranh chấp. Tại thời điểm phân chia đất không có mặt ông Đinh Văn Ch nên phần đất chia cho ông Ch nhờ ông H đứng tên đăng ký và trông coi đến ngày bàn giao lại.

Ngày 07/9/2002, có mặt ông Ch, ông N, ông H, bà Đ cùng lập biên bản họp gia tộc ghi nhận lại ý chí bà G lúc còn sống đã phân chia đất để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận. Theo đó, phần đất nông nghiệp chia cho ông N, ông Ch, ông H,

bà Đ đã được cấp giấy chúng nhận quyền sử dụng đất, riêng ông Ch nhận đất đã chuyển nhượng lại cho các hộ dân khác sử dụng và họ cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở. Về phần đất thổ cư (sát đường Quang Trung) chia cho bà Đ, ông H cũng đã được cấp giấy chứng nhận năm 2004 và phần đất chia cho ông Ch đang tranh chấp. Sau khi nhận đất, ngày 15/9/2002 ông Ch đã bán lại cho bà Đ với giá 3 tỷ đồng. Bà Đ đã giao đủ tiền cho ông Ch. Năm 2016, bà Đ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận thì ông N có đơn ngăn chặn. Bà Đ không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Hà Thị G đã hết. Yêu cầu công nhận phần đất trống diện tích 376,6m^2 thuộc thửa 760 tờ bản đồ số 124, phường 8, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo bản vẽ hiện trạng vị trí của Công ty TNHH TM-DV-ĐĐ- Thiết kế xây dựng Phú Mỹ Thịnh đo vẽ ngày 28/01/2016 đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Gò Vấp kiểm tra nội nghiệp ngày 01/02/2016 thuộc quyền sử dụng của bà Đinh Thị Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Đinh Văn Ch có đại diện ông Lê Nguyễn Trung Ng trình bày:

Thống nhất với lời khai của nguyên đơn, bị đơn về quan hệ huyết thống: cha mẹ các ông là ông Đinh Văn H1 chết năm 1977 (không có giấy chúng từ) và bà Hà Thị G chết năm 1995, lúc chết không lập di chúc. Thời gian chung sống, ông H1 - bà G có 04 người con chung gồm: Đinh Văn N1(chết năm 1959), Đinh Văn N, Đinh Văn Ch, Đinh Văn H. Ông Đinh Văn N1có 01 người con là bà Đinh Thị Đ. Trước đây ông Ch sống cùng gia đình có hộ khẩu thường trú tại phường 12, quận Gò Vấp nay là số 1164 Quang Trung, phường 8, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1993, ông Ch xuất cảnh qua Hoa Kỳ theo diện thăm gia đình. Từ năm 1993 đến năm 2003, ông Ch thường xuyên đi về Việt Nam.

Ông Ch thừa nhận đất của bà Hà Thị G diện tích 2.131 m^2, bà G (lúc còn sống) chuyển nhượng cho bà Lê Thị Liên 250 m^2, chia cho ông H, ông N, ông Ch thực tế đang sử dụng, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có tranh chấp. Chỉ còn phần đất trống diện tích 376,6m^2 thuộc thửa 760 tờ bản đồ số 124, phường 8, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nguyên đơn đang tranh chấp được chia cho ông Đinh Văn Ch theo Giấy giao đất lập ngày 13/9/2002, lúc giao đất không có bản vẽ, chỉ đo bằng thước tay. Ông Ch là người đang định cư ở nước ngoài (USA) nên sau khi nhận đất chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận. Ngày 15/9/2002, ông Ch lập giấy chuyển nhượng hết phần đất này cho bà Đinh Thị Đ sử dụng. Ông không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

2. Ông Nguyễn Văn L có đại diện ông Đỗ H trình bày:

Ông Linh là chồng của bà Đ, có đăng ký kết hôn vào năm 1980. Phần đất diện tích 334m^2 (đo bằng thước dây) vào ngày 15/9/2002 ông Đinh Văn Ch chuyển nhượng lại cho bà Đ với giá 3.000.000.000 đồng. Phần đất này ông Ch được mẹ là bà G phân chia cho và các anh em thỏa thuận bàn giao lại. Bà Đ nhận chuyển nhượng phần đất nêu trên bằng tiền riêng của bà Đ, là tài sản riêng của bà Đ. Ông không có liên quan và yêu cầu gì đối với tài sản này.

3. Ông Đinh Minh Ph trình bày:

Ông là con của ông Đinh Văn N, vào khoảng năm 2002 -2003 ông có xây dựng bức tường chiều cao khoảng 3m từ đầu đường Quang Trung đến cuối khu

đất đang tranh chấp (phần bên hông hẻm), chi phí xây dựng là của ông Đinh Văn H, việc xây dựng không phải xin phép. Ông không có ý kiến tranh chấp gì đối với bức tường đã xây dựng.

4. Ông Đinh Thành Nh và bà Đinh Thị Ngọc H cùng trình bày:

Ông Nh là con của ông Đinh Văn H. Vào năm 2016, vợ chồng ông bà cần chỗ buôn bán hủ tíu nên bà Đ đồng ý cho cất tạm một quán với mái tôn cũ, cột cây ở phía trước trên phần đất đang tranh chấp. Vợ chồng ông bà xác nhận sử dụng tạm không có yêu cầu tranh chấp gì trong vụ án. Nếu có yêu cầu ông bà sẽ tháo dỡ trả lại đất như ban đầu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 753/2019/DSST ngày 01/7/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ Điều 26; Điều 35, Điều 37; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 186 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của nguyên đơn ông Đinh Văn N. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Đ.

1. Xác định phần đất diện tích 376,6m^2 (trong đó: 281,2m^2 ngoài lộ giới, 95,4m^2 trong lộ giới) nhằm một phần thửa 12 (thửa chính thức 760) tờ bản đồ số 124, phường 8, quận Gò vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, loại đất: hnk theo bản vẽ hiện trạng vị trí của Công ty TNHH TM-DV-ĐĐ- Thiết kế xây dựng Phú Mỹ Thịnh đo vẽ ngày 28/01/2016 đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận Gò Vấp kiểm tra nội nghiệp ngày 01/02/2016 thuộc quyền sử dụng của bà Đinh Thị Đ.

2. Bà Đinh Thị Đ có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyên làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

3. Ghi nhận ông Đinh Minh Ph, ông Đinh Thành Nh, bà Đinh Thị Ngọc H không tranh chấp các vật kiến trúc (tôn cũ, cây gỗ, hàng rào) có trên phần đất công nhận cho bà Đinh Thị Đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/7/2019, nguyên đơn là ông Đinh Văn N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông Đinh Văn N vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án số 753/2019/DS-ST ngày 01/7/2019 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản và quyền sử dụng đất" của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về hình thức đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1] Về thẩm quyền xét xử: Căn cứ Điều 37, 38 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định đúng thẩm quyền xét xử.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 cấp sơ thẩm xác định đúng tư cách người tham tố tụng.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ tranh chấp.

[3.1] Về nội dung: Bà Hà Thị G (chết năm 1995) và ông Đinh Văn H1 (chết năm 1977) có 4 người con chung là: Đinh Văn N1(chết năm 1959), Đinh Văn N, Đinh Văn Ch và Đinh Văn H. Ông Đinh Văn N1chết trước ông H1 bà G và có một người con duy nhất là bà Đinh Thị Đ. Cấp sơ thẩm xác định đúng hàng thừa kế của ông H1 bà G.

Nguyên đơn ông N xác định phần đất trống diện tích 376,6m^2 nằm một phần thửa 12 (thửa chính thức 760) tờ bản đồ 124, phường 8, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số: 2007 GCN-RĐ của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp cho bà Hà Thị G vào ngày 07/10/1991. Các phần đất khác của bà G đã chia, đã chuyển nhượng sử dụng thực tế và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nên không tranh chấp. Riêng phần đất trống có diện tích 376,6m^2 nói trên là chưa chia nên nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất trống.

Bị đơn ông Đinh Văn H không đồng ý vì cho rằng phần đất này lúc còn sống bà G có nói miệng chia cho ông Đinh Văn Ch. Sau khi bà G chết, ông N ông H và bà Đ họp thân tộc và bàn giao lại cho ông Ch vào ngày 07/9/2002. Ngày 13/9/2002 tiến hành bàn giao đất cho ông Ch. Ngày 15/9/2002 ông Ch viết giấy

tay bán đất cho bà Đ. Các phần đất khác đã chia, đã chuyển nhượng không tranh chấp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ch, bà Đ trình bày giống như ý kiến của bị đơn. Riêng bà Đ có yêu cầu độc lập là được công nhận quyền sử dụng đất đã mua của ông Ch.

Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do: Căn cứ biên bản họp gia tộc lập ngày 07/9/2002 và giấy giao đất lập ngày 13/9/2002 có mặt ông N, ông Ch, bà Đ và ông H thể hiện việc giao cho ông Ch phần đất cha mẹ cho diện tích khoảng 334m^2 (đo bằng thước dây, không có bản vẽ) trong đó có chữ ký của ông N.

Tại phiên tòa ông N cũng thừa nhận đã ký vào biên bản họp gia tộc và giấy giao đất cho ông Ch nhưng cho rằng lúc ký không đọc nội dung là không có căn cứ. Như vậy các đồng thừa kế còn lại thống nhất là phần đất này đã được bà G chia cho ông Ch. Ông Ch đã nhận đất nên không còn là di sản thừa kế của bà G. Do đó việc ông N yêu cầu chia di sản thừa kế của bà G là quyền sử dụng đất 376,6m^2 là không có căn cứ.

Xét yêu cầu độc lập của bà Đ, cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 129 Bộ Luật dân sự 2015 và điểm a khoản 3 Điều 186 Luật Đất đai năm 2013 chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đ là hoàn toàn có căn cứ.

[3.2] Nhận định của Tòa án: Xét thấy, cấp sơ thẩm đã xét xử phù hợp theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được những chứng cứ khác ngoài những chứng cứ đã thu thập ở cấp sơ thẩm nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn.

Tại phiên tòa ngày hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát cấp cao đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Đinh Văn N, sinh năm 1940 nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự cho ông Đinh Văn N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Văn N.

Giữ nguyên bản án số 753/2019/DSST ngày 01/7/2019 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản và quyền sử dụng đất" của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí: Ông Đinh Văn N không phải nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND CC tại TP Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Sở tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (8);
- Lưu (VP 07, HS 01) (DTTP 21)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Yên

Các thẩm phán | **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Mai Thị Tú Oanh **Phan Nhựt Bình** **Phan Văn Yên**